

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-PT

Ngày 28-4-2021

V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thu Hương và ông Vũ Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái: Bà Lâm Thị Ngọc Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLPT-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021, về "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/TCDS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Trung H, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn BT 1, xã BN, huyện BH, tỉnh Lào Cai (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Ngọc H1, sinh năm 1967

Nơi ĐKKHKT: Tổ 15, phường ĐT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái;

Nơi ở: Thôn BT, xã PL, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

2.2. Bà Lê Thị Thanh H2, sinh năm 1961

Địa chỉ: Tổ 15, phường ĐT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Duy H3, sinh năm 1968

Địa chỉ: Nhà may HT, đường tỉnh lộ 424, thị trấn TT, huyện MĐ, thành phố Hà Nội (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3.2. Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ 15, phường ĐT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Ngọc H1, bà Lê Thị Thanh H2 là bị đơn; anh Lê Minh Đ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03-11-2020, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn ông Lê Trung H trình bày:

Cụ Vũ Thị Th và cụ Lê Văn Th1 sinh được 07 người con gồm: Ông Lê Trung H, sinh năm 1959; bà Lê Thị Thanh H2, sinh năm 1961; bà Lê Thị Thu H4, sinh năm 1963 (chết năm 1981 không có chồng con); ông Lê Mạnh H5, sinh năm 1965 (chết năm 2004, có 01 con duy nhất là anh Lê Minh Đ, sinh năm 1996); ông Lê Ngọc H1, sinh năm 1967; ông Lê Duy H3, sinh năm 1968; ông Lê Giang H6, sinh năm 1970 (chết ngày 30/5/2020 không có vợ con). Bố đẻ của cụ Th là cụ cố Vũ Xuân D, chết năm 1968; mẹ đẻ của cụ Th là cụ cố Nguyễn Thị Ngh chết năm 1998. Cụ Lê Văn Th1 chết năm 2003; bố đẻ của cụ Th1 là cụ cố Lê Văn Ph, chết năm 1970; mẹ đẻ của cụ Th1 là cụ cố Lê Thị Đ1 chết năm 1967.

Cụ Th và cụ Th1 sau khi kết hôn chung sống với nhau đến năm 1973 thì ly hôn; Cụ Th là người trực tiếp, nuôi dưỡng chăm sóc cả 07 người con, ngoài 07 người con chung với cụ Th1. Cụ Th không có người con riêng, con nuôi nào khác. Sau khi ly hôn cụ Th1, một mình cụ Th đã tạo lập được khối tài sản là:

Tài sản thứ nhất: Thửa đất thuộc tổ 35, phường ĐT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái chạy dọc theo đường ĐB, chiều dài mặt đường 16,7m, khi còn sống cụ Th đã phân chia cho 04 người con, cụ thể: Bà Lê Thị Thanh H2 là 4,2m theo chiều dài mặt tiền đường ĐB; ông Lê Ngọc H1 là 4,2m theo chiều dài mặt tiền đường ĐB; ông Lê Mạnh H5 (bố anh Đ) là 4,1m theo chiều dài mặt tiền đường ĐB và ông Lê Duy H3 4,2m theo chiều dài mặt tiền đường ĐB.

Tài sản thứ hai: Thửa đất 85,5m², đất ở đô thị tại tổ 48 (nay là tổ 8), phường MT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái, thửa số 31, tờ bản đồ số 33-C-III-a, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 119443, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00153 do Ủy ban nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái cấp cho cụ Vũ Thị Th ngày 24/02/2005 và tài sản gắn liền trên đất là 01 nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 65,5m² được xây dựng năm 1993. Ngày 19/8/2015 bà Vũ Thị Th đã lập di chúc để lại cho ông Lê Trung H được hưởng toàn bộ tài sản này.

Ngày 04/9/2015 cụ Th chết, sau khi cụ Th chết, ông H tiến hành các thủ tục nhận di sản thừa kế theo bản di chúc của cụ Th đã lập ngày 19/8/2015 nhưng các em ông H là bà Lê Thị Thanh H2 và ông Lê Ngọc H1 đã phản đối việc khai nhận di sản và không đồng ý để ông H làm các thủ tục sang tên các tài sản nêu trên. Ông H đã nhiều lần trao đổi với bà H2, ông H1 về việc sang tên tài sản là di sản trên nhưng không có kết quả. Quá trình hòa giải ông H đưa ra nhiều phương án để anh em hòa giải với nhau nhưng bà H2, ông H1 không đồng ý.

Khi cụ Vũ Thị Th chết không để lại nghĩa vụ tài sản với ai, còn chi phí

mai táng cụ Th do anh chị em đóng góp nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Trung H đề nghị Tòa án chia di sản của cụ Vũ Thị Th cho ông Lê Trung H được hưởng toàn bộ di sản là nhà và đất theo bản di chúc ngày 19/8/2015. Trường hợp bản di chúc bị coi là không có hiệu lực, ông H đề nghị chia di sản của cụ Vũ Thị Th theo quy định của pháp luật, hiện tại di sản của cụ Vũ Thị Th do ông H đang quản lý, ông H không yêu cầu thanh toán công sức bảo quản di sản, đề nghị được sở hữu, sử dụng nhà và đất là di sản của cụ Vũ Thị Th, thanh toán kỹ phần cho những người thừa kế khác.

Bị đơn (bà Lê Thị Thanh H2 và ông Lê Ngọc H1) thống nhất trình bày:

Bà Lê Thị Thanh H2 và ông Lê Ngọc H1 đều nhất trí về quan hệ huyết thống, thời gian cụ Vũ Thị Th, bà Lê Thị Thu H4, ông Lê Mạnh H5, ông Lê Giang H6 và các cụ cố nội, cố ngoại chết. Di sản thừa kế là tài sản gồm nhà và đất do cụ Vũ Thị Th để lại như ông Lê Trung H trình bày là đúng, khi chết cụ Th không để lại nghĩa vụ tài sản với ai, về chi phí mai táng cụ Th, bà H2, ông H1 không có yêu cầu gì.

Về khối tài sản là thửa đất thuộc tổ 35, phường ĐT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái: Khi cụ Th còn sống đã phân chia cho bà H2, ông H1, ông H5, ông H3 như ông Lê Trung H trình bày là đúng còn ông H không nhận đất nhưng đã được cụ Th chia cho số tiền 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Bà H2, ông H1 không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông H vì Bản di chúc ông H cung cấp tại Tòa án không đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Ông H1, bà H2 đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Vũ Thị Th theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (ông Lê Duy H3) trình bày:

Khi còn sống cụ Vũ Thị Th được hưởng hương hỏa thừa kế từ cụ cố Vũ Xuân D và Nguyễn Thị Ngh (bố mẹ đẻ cụ Th) hai thửa đất:

Thửa thứ nhất thuộc tổ 35, phường ĐT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái chạy dọc theo đường ĐB chiều dài mặt đường 16,7m, trước khi chết cụ Th đã phân chia cho 04 người con, cụ thể: Bà Lê Thị Thanh H2, ông Lê Ngọc H1; ông Lê Mạnh H5 (bố anh Đ) và ông Lê Duy H3 như ông Lê Trung H trình bày.

Thửa đất thứ hai thuộc tổ 48 (nay là tổ 8), phường MT, thành phố YB theo chiều dài mặt đường ĐB khoảng 05m, diện tích khoảng 85,5m². Mẹ ông là cụ Vũ Thị Th đã lập di chúc cho anh trai cả ông là Lê Trung H để ông H có trách nhiệm thờ cúng hương hỏa cho các cụ. Ông được chứng kiến việc ông Lê Ngọc H1 đưa bản di chúc ngày 19/8/2015 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ ông cho ông Lê Trung H quản lý.

Bốn anh, chị, em ông gồm: Lê Thị Thanh H2, Lê Ngọc H1, Lê Mạnh H5 và Lê Duy H3 đều đã được mẹ chia cho phần tài sản là quyền sử dụng đất tại tổ 35, phường ĐT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Riêng anh cả là Lê Trung H chưa được chia phần đất nào trước khi mẹ ông mất mà chỉ được mẹ ông di chúc cho hưởng toàn bộ thửa đất 85,5m² tại tổ 48 (nay là tổ 8), phường MT, thành phố

YB, tỉnh Yên Bái. Ông H3 hoàn toàn thừa nhận bản di chúc ngày 19/8/2015 do mẹ ông lập để lại toàn bộ tài sản cho ông Lê Trung H. Ông H3 đề nghị Tòa án công nhận di chúc ngày 19/8/2015 của mẹ ông và chia di sản của mẹ ông cho ông H được hưởng toàn bộ tài sản theo bản di chúc của mẹ ông được ông H cung cấp tại Tòa. Trường hợp bản di chúc bị coi là không có hiệu lực ông nhất trí chia theo pháp luật, ông tự nguyện nhường lại phần thừa kế của ông được hưởng theo quy định của pháp luật cho ông Lê Trung H được hưởng kỷ phần thừa kế đó.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (anh Lê Minh Đ) trình bày: Anh Lê Minh Đ thống nhất với lời trình bày của bị đơn bà Lê Thị Thanh H2 và ông Lê Ngọc H1. Anh Đ không nhất trí với yêu cầu của ông Lê Trung H về chia di sản thừa kế của cụ Vũ Thị Th (là bà nội của anh Đ) theo di chúc ông H đã cung cấp tại Tòa, đề nghị Tòa án chia sản thừa kế của cụ Vũ Thị Th theo quy định của pháp luật.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với tài sản là di sản của cụ Vũ Thị Th để lại do ông Lê Trung H đang quản lý như sau:

Diện tích đất đo thực tế là: 103m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ($85,5\text{m}^2$), dôi dư $17,5\text{m}^2$ (không có tài sản gì trên diện tích đất dôi dư), gia đình sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai. Trị giá thửa đất là $85,5\text{m}^2$ (diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) x $30.000.000\text{đồng} = 2.565.000.000\text{đồng}$ (hai tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Tài sản trên đất 01 nhà xây gạch chỉ, tường 220, bổ trụ mái đổ bê tông cốt thép, diện tích $63,175\text{m}^2$, được xây dựng năm 1993. Trị giá còn lại sau khi đã tính khấu hao là $21.242.600\text{đồng}$ (hai mươi một triệu hai trăm bốn hai nghìn sáu trăm đồng).

Tổng giá trị tài sản là di sản của cụ Vũ Thị Th là $2.586.242.600\text{đồng}$ (hai tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định là $1.600.000\text{đồng}$ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) và chi phí định giá là $5.800.000\text{đồng}$ (năm triệu tám trăm nghìn đồng) do ông Lê Trung H đã nộp tạm ứng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/TCDS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái đã Quyết định:

Căn cứ các Điều 646; 649; 652; 656; 657; 674; 675; 676 và Điều 677 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357; Điều 468 và Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 147; 157; 165; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung H về việc chia di sản thừa kế của cụ Vũ Thị Th.

Tuyên bố bản di chúc đề ngày 19 tháng 8 năm 2015 của cụ Vũ Thị Th vô hiệu.

2. Di sản của cụ Vũ Thị Th được chia theo pháp luật, cụ thể như sau:

Chia cho ông Lê Trung H được sở hữu, sử dụng 85,5m² đất ở đô thị và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại tổ 48 (nay là tổ 8), phường MT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái, thửa đất số 31, tờ bản đồ số 33-C-III-a, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 119443, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00153 do Ủy ban nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái cấp ngày 24/02/2005 mang tên bà Vũ Thị Th, có tứ cận giáp ranh như sau: Phía Bắc giáp đất gia đình ông Nguyễn Anh T, phía Nam giáp đường ĐB, phía Đông giáp đất gia đình ông Đào Nguyên H7, phía Tây giáp đất gia đình ông Đào Nguyên H8. Tạm giao cho ông Lê Trung H 17,5m² đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đất liền kề với diện tích đất 85,5m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Ông Lê Trung H có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho:

Bà Lê Thị Thanh H2 số tiền 538.800.000đồng (năm trăm ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Ông Lê Ngọc H1 số tiền là 538.800.000đồng (năm trăm ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Anh Lê Minh Đ số tiền là 431.040.000đồng (bốn trăm ba mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng; tuyên lỗi suất chậm trả, hướng dẫn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 09-3-2021, ông Lê Ngọc H1 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Được sở hữu sử dụng di sản thừa kế của mẹ ông là 85,5m² đất ở đô thị và tài sản gắn liền trên đất như bản án sơ thẩm đã tuyên và xin được nhận diện tích 17,5m² đất dôi dư là chân an toàn ta luy dương đất liền kề với diện tích đất là di sản của mẹ ông để lại và có trách nhiệm thanh toán kỷ phần bằng tiền mặt cho các đồng thừa kế khác; ông Lê Trung H là người khởi kiện nên phải chịu toàn bộ án phí mà ông không phải chịu án phí.

Ngày 09-3-2021, bà Lê Thị Thanh H2 và anh Lê Minh Đ kháng cáo cùng nội dung là không nhận giá trị di sản thừa kế bằng tiền mặt, xin nhận bằng hiện vật (diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật) và sau đó sẽ tặng cho phần đất được chia cho ông Lê Ngọc H1; bà H2, anh Đ không chịu tiền án phí, ông Lê Trung H là người khởi kiện nên phải chịu toàn bộ án phí.

Ngày 14-4-2021, nguyên đơn (ông Lê Trung H) có đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn (ông Lê Ngọc H1, bà Lê Thị Thanh H2) và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Lê Minh Đ), đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ngày 16-4-2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Lê Duy H3) có đơn đề nghị không nhất trí với nội dung kháng cáo của người kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Những người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn (ông Lê Ngọc H1, bà Lê Thị Thanh H2), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Lê Minh Đ). Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2021/TCDS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, các đương sự có kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên;

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái đã xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản" là đúng theo quy định của pháp luật.

Cụ Vũ Thị Th chết vào ngày 04/9/2015, thời điểm mở thừa kế của cụ Th được xác định là ngày 04/9/2015. Ông Lê Trung H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế vào ngày 30/11/2020. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết là phù hợp.

Ông Lê Trung H và ông Lê Duy H3 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định di sản thừa kế của cụ Vũ Thị Th là 85,5m² đất ở đô thị tại tổ 48 (nay là tổ 8) phường MT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái, thửa đất số 31, tờ bản đồ số 33-C-III-a, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 119443, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00153 do Ủy ban nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái cấp ngày 24/02/2005 mang tên bà Vũ Thị Th, có tứ cận giáp ranh như sau: Phía Bắc giáp đất gia đình ông Nguyễn Anh T, phía Nam giáp đường ĐB, phía Đông giáp đất gia đình ông Đào Nguyên H7, phía Tây giáp đất gia đình ông Đào Nguyên H8 và tài sản trên đất là 01 nhà xây gạch chỉ, tường 220, bô trụ mái đổ bê tông cốt thép, diện tích 63,175m², được xây dựng năm 1993 (do ông Lê Trung H đang là người quản lý di sản), trị giá 2.586.242.600đồng (hai tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm đồng) và chia theo pháp luật cho các đồng thừa

kế, gồm: Ông Lê Trung H được hưởng là 538.800.541đồng (làm tròn 538.800.000đồng); bà Lê Thị Thanh H2 được hưởng là 538.800.541đồng (làm tròn 538.800.000đồng); ông Lê Ngọc H1 được hưởng là 538.800.541đồng (làm tròn 538.800.000đồng); ông Lê Duy H3 được hưởng là 538.800.541đồng (làm tròn 538.800.000đồng); anh Lê Minh Đ được hưởng là 431.040.433đồng (làm tròn 431.040.000đồng) là có căn cứ.

Các đương sự đều thống nhất về di sản thừa kế, trị giá tài sản và chia di sản cho các đồng thừa kế theo pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của của bị đơn (ông Lê Ngọc H1, bà Lê Thị Thanh H2), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Lê Minh Đ), Hội đồng xét xử thấy:

Di sản thừa kế của cụ Vũ Thị Th để lại hiện do ông Lê Trung H đang là người trực tiếp quản lý, ông H là con trai trưởng có nguyện vọng được sở hữu để tiếp tục sử dụng.

Bốn người con của cụ Vũ Thị Th, gồm: Bà Lê Thị Thanh H2, ông Lê Ngọc H1, ông Lê Mạnh H5 và ông Lê Duy H3 đều đã được cụ Th chia cho phần tài sản là quyền sử dụng đất tại tổ 35, phường DT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Riêng ông Lê Trung H chưa được chia phần đất nào.

Di sản của cụ Vũ Thị Th là 85,5m² đất ở đô thị tại tổ 48 (nay là tổ 8) phường MT, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, có chiều rộng theo mặt đường là 4,78m, các cạnh thửa đất đều tiếp giáp với những hộ xung quanh, không có lối đi nào khác, diện tích của thửa đất cũng không đủ điều kiện để tách thửa nên không được phép tách thửa theo quy định tại Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

Các đồng thừa kế ông Lê Ngọc H1, bà Lê Thị Thanh H2, anh Lê Minh Đ và ông Lê Duy H3 hiện tại đều có nhà ở ổn định.

Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông H được sở hữu sử dụng di sản của cụ Vũ Thị Th là 85,5m² đất ở đô thị và tài sản trên đất là 01 nhà xây gạch chi, tường 220, bố trí mái đổ bê tông cốt thép, diện tích 63,175m², được xây dựng năm 1993 (do ông Lê Trung H là người quản lý di sản) tại tổ 48, (nay là tổ 8) phường MT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái, thửa đất số 31, tờ bản đồ số 33-C-III-a giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 119443, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00153 do Ủy ban nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái cấp ngày 24/02/2005 mang tên bà Vũ Thị Th, trị giá 2.586.242.600đồng (hai tỷ, năm trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm đồng); ông H có trách nhiệm thanh toán kỹ phần cho các đồng thừa kế là đúng quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế và đạo đức xã hội. Yêu cầu của ông Lê Ngọc H1, bà Lê Thị Thanh H2 và anh Lê Minh Đ xin nhận phần di sản được chia bằng hiện vật là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Đối với nguyện vọng của bà Lê Thị Thanh H2 và anh Lê Minh Đ tại giai đoạn xét xử phúc thẩm về việc tặng cho phần di sản (bằng hiện vật) của mình cho ông Lê Ngọc H1 sau khi được phân chia. Tuy nhiên, việc yêu cầu chia di

sản bằng hiện vật không được chấp nhận nên bà H2, anh Đ được nhận phần di sản bằng tiền mặt. Việc định đoạt phần di sản được hưởng của bà H2, anh Đ là quyền về tài sản của công dân được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về việc chịu án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được hưởng trong khối di sản thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định mức án phí đối với từng đồng thừa kế là đúng quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của những người kháng cáo là không phù hợp và không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Ngọc H1, bà Lê Thị Thanh H2, anh Lê Minh Đ; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2021/TCDS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

[5] Tại phần nhận định của bản án sơ thẩm đã nhận định tài sản trên đất 01 nhà xây gạch chỉ, tường 220, bỏ trụ mái đổ bê tông cốt thép, diện tích 63,175m². Phần Quyết định của bản án đã ghi: "...Chia cho ông Lê Trung H được sở hữu, sử dụng 85,5m² đất ở đô thị và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại tổ 48 (nay là tổ 8), phường MT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái..." nhưng chưa thể hiện cụ thể phần tài sản gắn liền trên đất nên Hội đồng xét xử cần điều chỉnh lại cho rõ ràng hơn. Phần diện tích đất dôi dư ở phía Bắc của lô đất - giáp đất gia đình ông Nguyễn Anh T: Nếu ông H có nhu cầu sử dụng và phù hợp quy hoạch thì sẽ thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về quản lý đất đai.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Lê Ngọc H1, bà Lê Thị Thanh H2, anh Lê Minh Đ không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 646; 649; 652; 656; 657; 674; 675; 676 và Điều 677 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 651, Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Ngọc H1, bà Lê Thị Thanh H2, anh Lê Minh Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/TCDS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung H về việc chia di sản thừa kế của cụ Vũ Thị Th.

Tuyên bố bản di chúc đề ngày 19 tháng 8 năm 2015 của cụ Vũ Thị Th vô hiệu.

Di sản của cụ Vũ Thị Th được chia theo pháp luật, cụ thể như sau:

Chia cho ông Lê Trung H được sở hữu, sử dụng 85,5m² đất ở đô thị và tài sản trên đất là 01 nhà xây gạch chỉ, tường 220, bố trù mái đổ bê tông cốt thép, diện tích 63,175m² tại tổ 48 (nay là tổ 8), phường MT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái, thửa đất số 31, tờ bản đồ số 33-C-III-a, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 119443, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00153 do Ủy ban nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái cấp ngày 24/02/2005 mang tên bà Vũ Thị Th; có tứ cận giáp ranh như sau: Phía Bắc giáp đất gia đình ông Nguyễn Anh T, phía Nam giáp đường DB, phía Đông giáp đất gia đình ông Đào Nguyên H7, phía Tây giáp đất gia đình ông Đào Nguyên H8.

Ông Lê Trung H có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho:

Bà Lê Thị Thanh H2 số tiền 538.800.000đồng (năm trăm ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Ông Lê Ngọc H1 số tiền là 538.800.000đồng (năm trăm ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Anh Lê Minh Đ số tiền là 431.040.000đồng (bốn trăm ba mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Lê Thị Thanh H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.552.000đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng).

+ Ông Lê Ngọc H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.552.000đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng).

+ Anh Lê Minh Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.241.600đồng (hai mươi một triệu hai trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm đồng).

+ Ông Lê Trung H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 44.328.000đồng (bốn mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 31.500.000đồng (ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) mà ông Lê Trung H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006647 ngày 03/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Ông Lê Trung H còn phải nộp 12.828.000đồng (mười hai triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Ngọc H1, bà Lê Thị Thanh H2, anh Lê Minh Đ mỗi người phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người đã nộp 300.000đồng (do ông Lê Ngọc H1 nộp) theo các biên lai thu tiền số

AA/2017/0008961, AA/2017/0008963, AA/2017/0008962 ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị Thanh H2, ông Lê Ngọc H1, anh Lê Minh Đ mỗi người phải trả cho ông Lê Trung H số tiền 1.480.000đồng (một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT3-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND thành phố YB;
- Chi cục THA DS thành phố YB;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân